

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32 /2022/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 15 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 đối với
trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BYT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Y tế về việc Quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2;*

*Xét Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2
cho đối tượng không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trên địa
bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân
dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 cho đối tượng
không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh
Vĩnh Long**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 do cơ sở y tế công lập
trên địa bàn tỉnh thực hiện đối với trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của
Quỹ bảo hiểm y tế.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh.
- b) Người sử dụng dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không có thẻ bảo hiểm y tế hoặc có thẻ bảo hiểm y tế nhưng lựa chọn hình thức không sử dụng thẻ bảo hiểm y tế.
- c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2

a) Mức giá xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh mẫu đơn, bao gồm: Giá dịch vụ quy định tại cột 1 Mục I của Phụ lục kèm theo Nghị quyết này cộng chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 02/2022/TT-BYT. Mức thanh toán tối đa không quá 78.000 đồng/xét nghiệm.

b) Mức giá xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng máy miễn dịch tự động hoặc bán tự động mẫu đơn, bao gồm: Giá dịch vụ quy định tại cột 1 Mục I của Phụ lục kèm theo Nghị quyết này cộng chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 02/2022/TT-BYT. Mức thanh toán tối đa không quá 178.900 đồng/xét nghiệm.

c) Mức giá xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR:

c1) Trường hợp mẫu đơn, mức giá bao gồm: Giá dịch vụ quy định tại cột 1 Mục I của Phụ lục kèm theo Nghị quyết này cộng chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 02/2022/TT-BYT. Mức thanh toán tối đa không quá 501.800 đồng/xét nghiệm.

c2) Trường hợp gộp mẫu, mức giá bao gồm: Giá dịch vụ quy định tại cột 1 Mục I của Phụ lục kèm theo Nghị quyết này cộng chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 02/2022/TT-BYT, trong đó sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 được chia đều theo số mẫu gộp. Mức thanh toán tối đa không vượt quá mức giá quy định tại cột 2 Mục IV của Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa X, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh, Trang tin HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Nghiêm

PHỤ LỤC

Mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2

(Kèm theo Nghị quyết số 04 /2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

ĐVT: đồng

STT	Danh mục dịch vụ	Giá dịch vụ (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm)	Mức giá dịch vụ tối đa bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm
A	B	1	2
I	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh mẫu đơn	11.200	78.000
II	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag miễn dịch tự động/bán tự động mẫu đơn	30.800	178.900
III	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu đơn, gồm:	212.700	
1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	45.400	
2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	167.300	
3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		501.800
IV	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu gộp		
1	Trường hợp gộp ≤ 5 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)	78.800	
1.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	24.100	
1.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	54.700	
1.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		
1.3.1	Trường hợp gộp 2 que		223.300
1.3.2	Trường hợp gộp 3 que		175.100
1.3.3	Trường hợp gộp 4 que		151.000
1.3.4	Trường hợp gộp 5 que		136.600
2	Trường hợp gộp 6-10 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)	62.500	
2.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	23.300	
2.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	39.200	
2.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		
2.3.1	Trường hợp gộp 6 que		110.600

STT	Danh mục dịch vụ	Giá dịch vụ (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm)	Mức giá dịch vụ tối đa bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm
2.3.2	Trường hợp gộp 7 que		103.800
2.3.3	Trường hợp gộp 8 que		98.600
2.3.4	Trường hợp gộp 9 que		94.600
2.3.5	Trường hợp gộp 10 que		91.400
3	Trường hợp gộp ≤ 5 mẫu tại phòng xét nghiệm	112.500	
3.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	48.400	
3.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	64.100	
3.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		
3.3.1	Trường hợp gộp 2 mẫu		257.000
3.3.2	Trường hợp gộp 3 mẫu		208.800
3.3.3	Trường hợp gộp 4 mẫu		184.700
3.3.4	Trường hợp gộp 5 mẫu		170.300
4	Trường hợp gộp 6-10 mẫu tại phòng xét nghiệm	97.200	
4.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	49.200	
4.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	48.000	
4.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm (phản ứng và tách chiết)		
4.3.1	Trường hợp gộp 6 mẫu		145.300
4.3.2	Trường hợp gộp 7 mẫu		138.500
4.3.3	Trường hợp gộp 8 mẫu		133.300
4.3.4	Trường hợp gộp 9 mẫu		129.300
4.3.5	Trường hợp gộp 10 mẫu		126.100